TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**ỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2025/DS-ST
Ngày: 15-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Hương

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trường Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Võ Thị Thanh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 566/2025/TLST-DS ngày 14/3/2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5807/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 453/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S
Địa chỉ trụ sở: số B N, phường X (Phường V, Quận C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1973
Địa chỉ: số B N, phường X (Phường V, Quận C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.
(Văn bản ủy quyền ngày 05/12/2024)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh năm 1989
Địa chỉ: số E Đường số D, phường T (khu phố D, phường T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đại diện nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Minh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/4/2019, bà Nguyễn Thị Mỹ T1 có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Căn cứ thu nhập của bà T1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, cụ thể: loại thẻ: JCB JSpeedy Cre Classic Phi RTM; số thẻ: 436438-3602; hạn mức: 20.000.000 đồng; ngày cấp thẻ: 18/4/2019; lãi suất áp dụng: 2.6%.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 52.089.480 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 54.010.319 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà T1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên vào ngày 23/9/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, đồng thời khởi kiện khách hàng.

Tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 15/8/2025), bà T1 còn nợ Ngân hàng các khoản sau: nợ gốc là 23.390.128 đồng; lãi quá hạn là 32.170.606 đồng; tổng cộng: 55.560.734 đồng. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 23.390.128 đồng với lãi suất quá hạn là 3.9%/ tháng (lãi trong hạn 2.6% x 150%) từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà T1 có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà T1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản quy định tại hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn: Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ T1 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/8/2025 là 55.560.734 (năm mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi nghìn bảy trăm ba mươi bốn) đồng, trong đó: nợ gốc là 23.390.128 đồng; lãi quá hạn là 32.170.606 đồng. Bà Nguyễn Thị Mỹ T1 có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 16/8/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Nguyên đơn xác định chỉ xác lập giao dịch với bà Nguyễn Thị Mỹ T1 nên chỉ yêu cầu cá nhân bà T1 có trách nhiệm trả tiền, không liên quan gì đến ai. Đồng thời, khi vay tiền bà T1 không có thế chấp tài sản gì cho nguyên đơn.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T1 trong suốt quá trình chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không đến Tòa, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không có yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bà Nguyễn Thị Mỹ T1 phát sinh quan hệ tranh chấp từ hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T1 có nơi cư trú cuối cùng tại phường T (khu phố D, phường T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T1 vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét thấy, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 09/4/2019 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S) được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bà Nguyễn Thị Mỹ T1 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng được lập thành văn bản có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc trách nhiệm các bên phải thực hiện.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến Tòa để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên, bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do, không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời không cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến giao dịch vay tiền giữa hai bên, coi như bị đơn đã từ bỏ quyền được pháp luật quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Hợp đồng đã giao kết giữa các bên, sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, có cơ sở xác định Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị Mỹ T1 dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, cụ thể: loại thẻ: JCB JSpeedy Cre Classic Phi RTM; số thẻ: 436438-3602; hạn mức: 20.000.000 đồng; ngày cấp thẻ: 18/4/2019; lãi suất áp dụng: 2.6%. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 52.089.480 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 54.010.319 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Căn cứ theo thỏa thuận giữa các bên tại Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ngày 23/9/2022, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng lại thời điểm hiện tại (thời điểm vi phạm).

Xét thấy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã chuyển khoản nợ của thẻ tín dụng đã cấp cho bà T1 sang nợ quá hạn, đồng thời chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán là phù hợp với thỏa thuận giữa các bên theo hợp đồng và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Tính đến ngày 15/8/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T1 còn nợ nguyên đơn số tiền là 55.560.734 đồng (trong đó nợ gốc là 23.390.128 đồng; lãi quá hạn là 32.170.606 đồng). Việc bị đơn không thanh toán tiền đầy đủ cho nguyên đơn theo thỏa thuận giữa hai bên là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tiền. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Nguyễn

Thị Mỹ T1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và lãi quá hạn là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Xét thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu trách nhiệm trả tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày tiếp theo ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử (ngày 16/8/2025) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ là phù hợp với thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng tín dụng đã ký, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 92, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 274, Điều 275, Điều 278 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S:

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền còn nợ là 55.560.734 (năm mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi nghìn bảy trăm ba mươi bốn) đồng, (trong đó nợ gốc là 23.390.128 đồng, lãi quá hạn là 32.170.606 đồng).

Kể từ ngày 16/8/2025, bà Nguyễn Thị Mỹ T1 còn phải tiếp tục thanh toán các khoản tiền lãi quá hạn phát sinh tương ứng với số dư nợ gốc chưa thanh toán

của khoản vay theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 09/4/2019 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được ký kết giữa hai bên, cho đến khi bà Nguyễn Thị Mỹ T1 thanh toán xong các khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.778.037 (hai triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn không trăm ba mươi bảy) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.190.613 (một triệu một trăm chín mươi nghìn sáu trăm mười ba) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0083712 ngày 12/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV2 TP. HCM;
- THADS TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Văn Đoàn